

HỒ SƠ MỜI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN

ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

Hình thức thực hiện:
Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

DVN-DV-3759/24-KT-DA-TTH

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Dịch vụ sửa chữa đại tu máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí

Dự án (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Vận hành & Bảo dưỡng FPSO cho Hoàng Long JOC năm 2024

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

28 /10/2024

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

305/E-HSMT/TM

IB2400443969-00



MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần 4. CÁC PHỤ LỤC



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSĐT, mở thầu, đánh giá E-HSĐT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSĐT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)) là tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSĐT.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hoá (nếu có) được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

- Danh mục/ Phạm vi cung cấp.
- Yêu cầu kỹ thuật (kèm theo Hồ sơ Thiết kế, bản vẽ,...(nếu có)).
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật/ Bảng điểm đánh giá kỹ thuật.
- Các tài liệu kỹ thuật khác, đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL .
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSMT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1 Đưa, nhận, môi giới hối lộ; 4.2 Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu; 4.3 Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4 Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5 Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có thẩm quyền, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu; d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng. 4.6 Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

	<p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>f) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;</p> <p>4.7 Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:</p> <p>a) Nội dung Hồ sơ mời thầu trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung Hồ sơ dự thầu, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu trước khi công khai danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định hiện hành của Vietsovpetro.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;</p> <p>d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL.</p>

	<p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Vietsovpetro;</p> <p>f) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c, d và điểm e Mục 5.1 E-CDNT.</p> <p>5.3 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chi dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <p>Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.</p> <p>Phần 4. Các phụ lục</p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm) theo hình thức được quy định tại BDL. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-</p>

	<p>HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.8 Song song với việc làm rõ/ trả lời làm rõ trên Hệ thống, Bên mời thầu/Nhà thầu có thể gửi văn bản bằng đường văn thư/ fax/ email trực tiếp để biết thông tin và chuẩn bị kịp thời hồ sơ tài liệu liên quan.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p>10. Thành phần của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 5 E-CDNT;</p> <p>10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký HSDT phù hợp theo quy</p>



	<p>định tại mục 5 E-CDNT.</p> <p>10.6. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.8. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.9. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.10. Chi tiết E-CDNT từ 10.1-10.9 và các nội dung khác được quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất và các bảng biểu để hoàn thành E-HSĐT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí... và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
13. Giá dự thầu và giảm giá	<p>13.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu sẽ điền giá dự thầu vào đơn dự thầu trên webform của hệ thống.</p> <p>13.2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>13.3. Các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>13.4. Nhà thầu phải nộp E-HSĐT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 Chương IV.</p> <p>13.5. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.6. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p>
14. Đồng tiền dự thầu và đồng	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

tiền thanh toán	
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
18. Bảo đảm dự thầu	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu dưới 20 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (<i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>) và đính kèm khi nộp E-HSDT phát hành. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là</p>

không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**.

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh (*Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:

a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương

	<p>thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng và đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu, hoặc đưa ra những điều kiện khác với các nội dung trong E-HSĐT hoặc rút lại các cam kết trong E-HSĐT dẫn đến thương thảo Hợp đồng không thành công trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện Hợp đồng trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc từ chối ký kết Hợp đồng trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày đã hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>18.7. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 20 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSĐT</p>	<p>20.1. Nộp E-HSĐT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSĐT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSĐT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSĐT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSĐT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSĐT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSĐT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSĐT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSĐT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSĐT mới phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>20.3. Rút E-HSĐT: nhà thầu được rút E-HSĐT trước thời điểm đóng thầu và Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSĐT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSĐT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSĐT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSĐT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp</p>



	<p>không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng, đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ E-HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên</p>



	<p>mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá E-HSDT:</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT .</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp</p>



	<p>các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ - Không áp dụng.</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p>
<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu - Không áp dụng.</p>	<p>28.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi: Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên và các nội dung ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.2. Cách tính ưu đãi: Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau.</p> <p>28.3. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi thì phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p>

29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp.

29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”):

a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:

- Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.

- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:

- Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai trong E-HSDT.

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá;

- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu và thương thảo hợp đồng.

29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào):

a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu, nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất căn cứ vào biên bản mở thầu trên Hệ thống. Trường hợp có nhiều nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất bằng nhau thì tiến hành đánh giá tất cả các nhà thầu này.

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.

	<p>đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.</p> <p>Trường hợp E-HSĐT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.</p> <p>29. 5. Nguyên tắc đánh giá E-HSĐT:</p> <p>a) Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSĐT nhà thầu đã nộp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSĐT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSĐT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;</p> <p>b) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4 E-CDNT và bị xử lý theo quy định;</p> <p>c) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a và b Mục này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin theo file đính kèm là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>d) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu. Nhà thầu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiên mặt theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT;</p> <p>b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSĐT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT;</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p>
<p>31. Thương thảo hợp đồng</p>	<p>31.1. Việc thương thảo hợp đồng thực hiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>31.2. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá E-HSĐT;</p> <p>b) E-HSĐT và các tài liệu làm rõ E-HSĐT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p>



	<p>31.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu;</p> <p>31.4. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 29 E-CDNT;</p> <p>d) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>31.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).</p> <p>31.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ thực hiện.</p> <p>31.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT.</p> <p>31.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p>32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>32.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>32.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>32.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>32.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>32.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay</p>



	thể giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
33. Hủy thầu	<p>33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong E-HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư.</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu;;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 33.1 E-CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33.1 E-CDNT.</p>
34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	<p>34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p>

	<p>34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>35. Thay đổi khối lượng dịch vụ</p>	<p>35.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSĐT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>35.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 Luật Đấu thầu.</p>
<p>36. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>37. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>37.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSĐT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>37.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.</p> <p>37.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p>38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>38.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 3. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>38.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
<p>39. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>39.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.</p>

	39.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL .
40. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL .



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Dịch vụ sửa chữa đại tu máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí (Số hiệu gói thầu: DVN-DV-3759/24-KT-DA-TTH)</p> <p>Tên dự án/dự toán mua sắm là: KHMS của dịch vụ “Vận hành FPSO cho Hoàng Long JOC” năm 2024</p>
E-CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Nguồn vốn từ doanh thu dịch vụ Vận hành & Bảo dưỡng FPSO cho Hoàng Long JOC năm 2024.
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Chủ đầu tư: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Tp-Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT Bên mời thầu: Xí nghiệp Khai Thác Dầu Khí thuộc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro Địa chỉ: 15 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Tp-Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT, trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế kỹ thuật tổng thể: Không áp dụng; + Tư vấn thẩm định giá: Không áp dụng; + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: Không áp dụng; + Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT: Không áp dụng; + Tư vấn đánh giá E-HSDT: Không áp dụng; + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không áp dụng; + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: Không áp dụng; <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh.

E-CDNT 7.1	Việc sửa đổi E-HSMT trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.2	Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ E-HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: _____ [theo quy định hiện hành của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia].
E-CDNT 10	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu (trích xuất từ hệ thống mạng đấu thầu). - Bảo đảm dự thầu: Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro (chi tiết tại Mục 18 E-CDNT). - Toàn bộ hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp (<i>yêu cầu bản sao được chứng thực hợp lệ của văn phòng công chứng hợp pháp tại Việt Nam</i>); - Thỏa thuận liên danh theo mẫu (nếu có); - Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định; Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định (<i>bao gồm tất cả các thành viên liên danh nếu có</i>); Cơ cấu tổ chức của nhà thầu ... - Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định: các Báo cáo tài chính năm gần nhất, Hợp đồng tương tự và các Biên bản nghiệm thu hoàn thành, Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh quyết toán hợp đồng, Hóa đơn GTGT ... <p>Toàn bộ phần Hồ sơ đề xuất kỹ thuật: Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu; Danh sách chuyên gia, Lý lịch chuyên gia, tất cả các bằng cấp chứng chỉ cần thiết có liên quan, Giải pháp và phương pháp luận tổng quát, Kế hoạch thực hiện chi tiết, Tiến độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - thực hiện công việc ... Catalog hàng hóa, dịch vụ ... - Toàn bộ phần Giá dự thầu bao gồm: bảng tổng hợp và các bảng chi tiết chào giá theo mẫu quy định. - Các tài liệu có liên quan khác (nếu có) ... để cấu thành 01 E-HSDT hoàn chỉnh. <p>Tất cả các tài liệu nộp kèm nêu trên phải được Nhà thầu scan theo định dạng “.pdf”, upload và nộp cùng E-HSDT tại phần đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>Lưu ý: E-HSDT nhà thầu cần tách rõ file E-HSDT kỹ thuật và E-HSDT Thương mại để tiện xem xét đánh giá.</p>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu _____ [ghi “Được phép” hoặc “Không được phép”] nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế. Lưu ý: Chào thầu theo quy định của Yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V E-HSMT.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 90 ngày lịch , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

E-CDNT 18.1	Thẻ thức bảo lãnh dự thầu: Bảng văn bản giấy.
E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm dự thầu: 3.490.575 VNĐ - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. <p>Số tài khoản của Vietsovpetro trong trường hợp thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc/chuyển khoản: 008.100.000001.1</p> <p>Tên người thụ hưởng: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro. Tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Vũng Tàu.</p> <p>Nội dung ghi: “XNKT-Công ty..... nộp BLDT gói thầu số ...”. <i>(trong trường hợp nhà thầu không ghi đúng nội dung chuyển khoản, bên mời thầu không xác nhận đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ cho các khoản này)</i></p>
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 07 ngày lịch, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 28.1	Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng.
E-CDNT 29.1	<p>Phương pháp đánh giá E-HSĐT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 29.3(đ)	Xếp hạng nhà thầu: “nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất trọn gói được xếp hạng thứ nhất”
E-CDNT 31.1	Thương thảo hợp đồng: Áp dụng
E-CDNT 32.5	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất
E-CDNT 35.1	<p>Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%;</p> <p>Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%.</p>
E-CDNT 35.2	<p>Tùy chọn thuê thêm: Không áp dụng</p> <p>- Tỷ lệ tùy chọn thuê thêm tối đa là: 0%.</p>
E-CDNT 39.2	<ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Quốc Dũng - Giám đốc Xí nghiệp Khai Thác Dầu Khí thuộc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro + Địa chỉ: 15 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu + Điện thoại: 0254 - 3839871; Ext: 5608/ 5743 / Fax: 0254-3857499 + Email: dungnq.rd@vietsov.com.vn - Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: Không áp dụng
E-CDNT 40	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Không áp dụng

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B, Mẫu số 4C Chương IV). Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) (Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền) và phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được scan đính kèm trên Hệ thống, Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng với Chủ đầu tư trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại E-HSMT để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.



BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế ⁽²⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết cùng với đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 5 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là: 317.325.000 VND . - Tài sản ròng **: ... (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ) (<i>giá trị Tài sản ròng phải dương trong năm tài chính gần nhất</i>)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành ⁽³⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁴⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó: Hợp đồng tương tự là hợp đồng: - Có tính chất tương tự: Hợp đồng tương tự về tính chất công việc so với gói thầu, số lượng cung cấp ít nhất 02 hợp đồng tương tự trong vòng 05 năm gần nhất về việc sửa chữa, bảo dưỡng cho các máy điều hòa không khí hoặc hệ thống lạnh HVAC có công suất ít nhất bằng với thiết bị cần sửa chữa trên các công trình biển/ dầu khí. - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 162.893.500 VND . - Đã thực hiện xong 100% khối lượng công việc.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phân công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

(*): Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn không cần thiết yêu cầu về doanh thu thì bỏ nội dung này.



Ghi chú:

(1) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp E-HSMT được phát hành sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: ngày phát hành E-HSMT là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(3) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(4) Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định của E-HSMT thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt: (được đánh giá chi tiết tại Mục 3 Chương này)

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả

năng huy động các nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu E-HSMT. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được Chủ đầu tư đính kèm file scan theo E-HSMT lên hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (File scan đính kèm trên Hệ thống)⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Dịch vụ sửa chữa đại tu máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí	N/A	<i>Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sửa chữa, đại tu các máy điều hòa không khí hoặc hệ thống lạnh HVAC trên các công trình biển/ công trình dầu khí</i> <i>Có ít nhất 02 hợp đồng tương tự trong vòng 5 năm gần nhất về việc sửa chữa, bảo dưỡng cho các máy điều hòa không khí hoặc hệ thống lạnh HVAC có công suất ít nhất bằng với thiết bị cần sửa chữa trên các công trình biển/ dầu khí.</i>	Theo yêu cầu kỹ thuật nêu tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: (được đánh giá chi tiết tại Mục 3 Chương này)

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không

có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được Chủ đầu tư đính kèm file scan theo E-HSMT lên hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (File scan đính kèm trên Hệ thống)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		
...		

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Theo tài liệu đính kèm tại **Phần 4. CÁC PHỤ LỤC**

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong hai phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Giá dự thầu là bao gồm tất cả các thuế phí, lệ phí

Trường hợp có sai khác về giá dự thầu trong Đơn dự thầu webform và Đơn dự thầu bản scan thì giá ghi trong Đơn dự thầu webform là cơ sở xác định giá dự thầu.

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu:

E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được

tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực

hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: _____ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

Nhà thầu chào thầu theo quy định của Yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V E-HSMT.

Mục 6: Quyền đơn phương chấm dứt đàm phán hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất, trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.

Đối với đề xuất hàng hóa, dịch vụ có xuất xứ từ các nước bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang, trong tình trạng chiến tranh, bị trừng phạt hoặc cấm vận và việc nhập khẩu những hàng hóa, dịch vụ đó có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng, nhà thầu được yêu cầu giải trình và cam kết về khả năng giao hàng để Vietsovpetro xem xét, đánh giá.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Vietsovpetro sẽ có toàn quyền xem xét và quyết định từ chối các đề xuất của nhà thầu về hàng hóa, dịch vụ đó, hoặc không tiếp tục đánh giá, nếu Vietsovpetro cho rằng việc thực hiện hợp đồng và lịch trình giao hàng có rủi ro. Trong trường hợp đó, Vietsovpetro có toàn quyền quyết định ngừng đàm phán hợp đồng, và mời nhà thầu có thứ hạng tiếp theo liền kề vào đàm phán hợp đồng.



Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01 Phạm vi cung cấp	Scan đính kèm lên Hệ thống <i>(Riêng Mẫu số 2 – Đơn dự thầu: webform và scan đính kèm)</i>	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu <i>(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)</i>	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu <i>(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)</i>			X
6	Mẫu số 04C. Bảo lãnh dự thầu <i>(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovetro)</i>			X
7	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
8	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
9	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
10	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
11	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
12	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu			X
13	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
14	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
15	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc gói thầu			X
16	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X
17	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)			X
18	Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu		X	



PHẠM VI CUNG CẤP

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ ^(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Dịch vụ sửa chữa đại tu máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí	Các hạng mục dịch vụ được quy định tại Phần 4. Các phụ lục	1	Lot	Thực hiện tại xưởng bảo dưỡng của nhà thầu	03 tuần

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi chi tiết Danh mục dịch vụ phù hợp với Danh mục dịch vụ theo Yêu cầu kỹ thuật/ hoặc ghi rõ tham chiếu theo Danh mục dịch vụ thuộc Yêu cầu kỹ thuật theo Phụ lục số của E-HSMT để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V (nếu có).



ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế _____, cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu: _____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

8. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

9. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38.1 E-CDNT của E-HSMT;

10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽³⁾;

11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, không nộp tiền mặt, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo

hiếm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.
- (2) Trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này;
- (3) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.



THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: _____

Gói thầu: _____

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ với số E-TBMT: _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:



- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 3 dưới đây;

- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- Công việc 1: _____	_____ %	_____ VNĐ
		- Công việc 2: _____		
		- Công việc 3: _____		
			
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1: _____	_____ %	_____ VNĐ
		- Công việc 2: _____		
		- Công việc 3 _____		
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%	_____ VNĐ

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được qui định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

- Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] ⁽⁴⁾

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu] ⁽⁴⁾

Ghi chú:

(1) Nhà thầu cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT.

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSĐT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT.

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ

hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)

Ngày: (Ngày ký hồ sơ mời thầu)

Tên gói thầu:..... (Tên gói thầu theo hồ sơ mời thầu)

Tên dự án: (Tên dự án)

Hồ sơ mời thầu số: VT/DV-.....

Kính gửi: _____ (tên đầy đủ và địa chỉ của người đại diện)

Căn cứ vào gói thầu nêu trên, chúng tôi [ghi tên nhà thầu] xin xác nhận như sau:

1. Thay vì nộp Bảo đảm dự thầu do ngân hàng phát hành, [điền tên nhà thầu] thực hiện bảo đảm dự thầu cho [tên gói thầu] bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro một khoản tiền đặt cọc tương đương với số tiền Bảo đảm dự thầu. được chỉ định trong E-HSMT, là [chỉ định bằng số, bằng chữ và loại tiền gửi]
2. Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu sẽ tuân thủ tất cả các điều kiện theo quy định tại mẫu Bảo đảm dự thầu của E-HSMT. (Trường hợp Nhà thầu xác nhận không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo mẫu Bảo đảm dự thầu trong HSMT thì hồ sơ dự thầu của Nhà thầu sẽ không được đánh giá)
3. Sau [điền thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu] ngày kể từ ngày đóng thầu....., Vietsovpetro sẽ chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản của [điền tên nhà thầu]. [điền tên nhà thầu] sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển nhượng này.
4. Tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro:

Tên người thụ hưởng: Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro

Ngân hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu

Số tài khoản: 008.100.00000.11 (VNĐ)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSMT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Nhà thầu đính kèm Ủy nhiệm chi hoặc văn bản chứng minh đã chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro kèm theo thư này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phân hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phân hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]	
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾		
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]	
3. Quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu điền đầy đủ thông tin nhân sự chủ chốt, lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong E-HSĐT]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		



BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.



BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			



BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		



HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương III			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
<input type="checkbox"/> Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (nhà thầu điền nội dung này)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = Tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm. Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị



các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như liên kết công ty mẹ - công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.



PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.



**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.



BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (8): Nhà thầu điền



BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Giá trị công trình xây dựng/hạng mục công trình	Thời gian bảo hiểm	Thời gian bảo hiểm do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (6): Nhà thầu điền



BẢNG GIÁ DỰ THẦU

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						
Tổng cộng: <i>(Tổng giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)).</i>						

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.

- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (7): Nhà thầu tính toán.



Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

(Xem tài liệu đính kèm tại Phần 4. Các phụ lục)



Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 12. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.

Mẫu số 13. Biểu mẫu hợp đồng.



THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG*(Người thực hiện chọn biểu mẫu hợp đồng phù hợp từ kho dữ liệu của VSP)***Kính gửi: [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]****Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng**

Xí nghiệp Khai thác Dầu khí thuộc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro xin thông báo Quý Công ty trúng thầu cung cấp dịch vụ “.....” - Gói thầu số, với các nội dung chính như sau:

- Phạm vi cung cấp: Toàn bộ gói thầu.
- Giá giá trị trúng thầu: VNĐ (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
Trong đó:
- + Tổng giá trị dịch vụ chưa bao gồm thuế GTGT: VNĐ,
- + Tiền thuế GTGT tạm tính: VNĐ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian và địa điểm thực hiện dịch vụ:
- Điều kiện thanh toán: XNKT thanh toán cho Quý công ty 01 lần cho toàn bộ các hóa đơn dịch vụ đã thực hiện phù hợp với các điều khoản của hợp đồng bằng phương thức chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng.
- Chứng từ kèm theo:

Thời gian dự kiến ký hợp đồng: Vào lúc 10 giờ 00 phút ngày/.../2024 tại Phòng Thương Mại, XNKT (tầng 4, Tòa nhà làm việc của XNKTDK, số 15 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu).

Để thực hiện các công việc tiếp theo, trong vòng 05 ngày làm việc sau ngày ký hợp đồng, Quý công ty phải nộp Giấy bảo đảm thực hiện hợp đồng (theo đúng mẫu tại Phụ lục số 03 của dự thảo hợp đồng) được cấp bởi Ngân hàng có uy tín và được XNKT chấp nhận. Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng là: VNĐ (tương ứng với mức 8% tổng giá trị hợp đồng). Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng thời gian giao hàng cộng thêm 60 ngày lịch.

Nếu quá thời hạn theo yêu cầu mà XNKT không nhận được Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định thì sẽ được hiểu Quý công ty từ chối hoàn thiện hợp đồng, không đáp ứng yêu cầu của XNKT và sẽ bị loại, đồng thời Quý công ty sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Trong thời hạn **03** ngày kể từ ngày công văn này, đề nghị Quý công ty gửi công văn xác nhận về nội dung nêu trên.

Người nhận: Ông **Nguyễn Quốc Dũng** - Giám đốc XNKT.

Nơi nhận: Số 15 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Trân trọng;

GIÁM ĐỐC**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, P.TM (1)

Ký tắt: Trưởng Phòng TM:

Nguyễn Quốc Dũng

BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG
Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG SỐ: .../24-KT1-FPSO/... (dự thảo)

*V/v thuê “**Dịch vụ sửa chữa đại tu máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí**”*

*(Đơn hàng số **DVN-DV-3759/24-KT-DA-TTH**)*

Căn cứ vào nhu cầu của Xí nghiệp Khai thác Dầu khí thuộc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro và khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, chúng tôi đại diện cho các Bên ký Hợp đồng này gồm có:

BÊN A: LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO – XÍ NGHIỆP KHAI THÁC DẦU KHÍ

Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: 0254 3839871 / Fax: 0254 3857499

Tài khoản số: 008.100.000001.1 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi Nhánh Vũng Tàu.

Mã số thuế: 3500102414

Do Ông: **NGUYỄN QUỐC DŨNG**, Giám đốc Xí nghiệp Khai thác Dầu khí thuộc Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro làm đại diện theo Giấy ủy quyền số 165/UQ-PL, ngày 24/01/2024 của Tổng giám đốc Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro.

BÊN B:

Địa chỉ:

Điện thoại: / fax: / email:

Tài khoản số: tại ngân hàng, chi nhánh

Mã số thuế:

Do Ông/ Bà: , Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty (hoặc Giấy ủy quyền nếu có)

Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng này với các Điều khoản như sau:

Điều 1: Đối tượng Hợp đồng

1.1 Bên A đồng ý thuê và Bên B bằng nhân lực và phương tiện của mình đồng ý thực hiện “**Dịch vụ sửa chữa đại tu máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí**” (sau đây gọi tắt là “**Dịch vụ**” hoặc “**dịch vụ**”). Chi tiết về phạm vi cung cấp dịch vụ, khối lượng, đơn giá và tổng giá trị dịch vụ cụ thể như sau:

Số TT	Phạm vi cung cấp dịch vụ	ĐV tính	Khối Lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	Dịch vụ sửa chữa đại tu máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí				
1
...
Tổng cộng giá trị Hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT)				
Tiền thuế GTGT tạm tính (...%)				
Tổng cộng giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT)				



- 1.2 Mục đích dịch vụ: Sửa chữa, đại tu phục hồi lại cụm máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí trên tàu FPSO nhằm đảm bảo yêu cầu về điều kiện làm việc bên trong phòng sửa chữa cơ khí (Mechanical Workshop).

Dịch vụ này nhằm phục vụ cho Dự án “Vận hành và Bảo dưỡng FPSO” của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro năm 2024.

- 1.3 Yêu cầu kỹ thuật cùng các tài liệu kỹ thuật tham chiếu đính kèm qui định các yêu cầu tối thiểu cho công việc sửa chữa, đại tu cụm máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí trên FPSO TGT-1.

Điều 2: Giá trị Hợp đồng

- 2.1. Tổng giá trị Hợp đồng theo Điều kiện thực hiện dịch vụ tại Bên B (đã bao gồm thuế GTGT và các loại thuế, phí lệ phí khác (nếu có)) là: VNĐ (Bằng chữ:), trong đó:

- Giá trị dịch vụ: VNĐ.
- Giá trị thuế GTGT tạm tính: VNĐ.

Thuế GTGT được thực hiện theo Luật thuế GTGT và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước về thuế GTGT (nếu có).

- 2.2. Hợp đồng này là Hợp đồng trọn gói, có giá cố định trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong Hợp đồng, giá bao gồm giá trị dịch vụ, thuế GTGT, các loại phí, lệ phí khác và các chi phí khác liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này.

Điều 3. Thời gian, địa điểm và yêu cầu chất lượng thực hiện dịch vụ

- 3.1. Thời gian thực hiện dịch vụ: Sau khi ký hợp đồng Bên B tiến hành đến nhận thiết bị tại kho của Bên A, thời gian thực hiện công việc tối đa **03 tuần** kể từ ngày Bên B nhận thiết bị từ kho Bên A, ngày giao nhận thiết bị nêu tại biên bản giao nhận (theo mẫu nêu tại Phụ lục số 01 của Hợp đồng này).

- 3.2. Địa điểm thực hiện công việc: tại nhà xưởng của Bên B. Nhà xưởng phải có đầy đủ dụng cụ, máy móc thiết bị cần thiết để thực hiện công việc sửa chữa đại tu cho máy điều hòa không khí.

- 3.3. Chất lượng thực hiện dịch vụ:

- Bên B phải thực hiện công việc đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và tiến độ nêu tại Điều 1 và Điều 3 của Hợp đồng này, đồng thời phải đáp ứng Yêu cầu kỹ thuật nêu tại Phụ lục số 06 (bao gồm 06 trang) Bên A đính kèm là một phần không tách rời của Hợp đồng.
- Hàng hoá thiết bị khi giao trả phải được đóng gói sau sửa chữa phù hợp với vận chuyển, nâng hạ; không bị hư hỏng, biến dạng khi vận chuyển.
- + Chứng chỉ xuất xứ/ Chất lượng cho gas lạnh (Refrigerant): Bản sao xác nhận nhà cung cấp
- + Chứng chỉ xuất xứ/ Chất lượng cho dầu bôi trơn máy nén: Bản sao xác nhận nhà cung cấp;
- + Báo cáo cân bằng động cánh quạt: Bản gốc
- + Báo cáo thử áp lực cho giàn bay hơi và bầu ngưng tụ kèm hình ảnh: Bản gốc;
- + Cam kết bảo hành: Bản gốc.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA HAI BÊN

- 4.1 Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

- Bên A cử cán bộ của Ban DVKT&VH phối hợp với Bên B trong quá trình thực hiện dịch vụ, hỗ trợ nhân sự của Bên B ra vào công, giám sát người của Bên B trong quá trình thực hiện công việc tại Bên A. Bên A bố trí các máy móc thiết bị đưa lên phương tiện của Bên B và khi Bên B hoàn trả thiết bị đã sửa chữa tại kho của Bên A. Việc vận chuyển thiết bị

về cơ sở của Bên B và ngược lại từ kho Bên B sau khi hoàn thành việc sửa chữa về kho của Bên A do Bên B chịu trách nhiệm.

- Ký các biên bản theo quy định tại Điều 7.1 của Hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán Hợp đồng.
- Bên A thanh toán cho Bên B giá trị Hợp đồng sau khi Bên B hoàn thành công việc.

4.2 Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- Bên B cử cán bộ phối hợp với Bên A trong quá trình thực hiện dịch vụ.
- Bên B phải cung cấp quy trình/ phương án trước khi sửa chữa máy điều hòa không khí.
- Nhà xưởng thực hiện sửa chữa đáp ứng yêu cầu nêu tại Điều 3.2 của Hợp đồng.
- Thông báo cho Bên A tham gia chứng kiến khi chạy thử.
- Bên B phải lập biên bản thu hồi và giao trả vật tư, phụ tùng cũ theo mẫu tại Phụ lục số 03 của Hợp đồng;
- Bên B thực hiện phạm vi công việc đảm bảo chất lượng và tiến độ theo quy định của Hợp đồng, chịu trách nhiệm nếu vi phạm theo Điều 5 của Hợp đồng.
- Sau khi thực hiện xong công việc Bên B ký các biên bản theo quy định tại Điều 7.1 của Hợp đồng, làm cơ sở để Bên A thanh toán cho Bên B.
- Yêu cầu Bên A thanh toán khi đến hạn.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 5.1 Trường hợp Bên B thực hiện dịch vụ bị chậm so với thời hạn quy định tại Điều 3.1 của Hợp đồng do lỗi của mình thì Bên B phải chịu phạt 0,2%/ngày trên tổng giá trị Hợp đồng cho 10 ngày chậm đầu tiên, phạt thêm 0,3%/ngày cho 10 ngày chậm tiếp theo. Tổng mức phạt không quá 08% tổng giá trị Hợp đồng.
- 5.2 Trong trường hợp Bên A phát hiện sai sót, không đảm bảo chất lượng như qui định của Hợp đồng, Bên B bằng nhân lực, vật tư và chi phí của mình phải thực hiện ngay việc khắc phục sai sót cho đến khi chất lượng dịch vụ đạt yêu cầu theo quy định của Hợp đồng này.
- 5.3 Nếu Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng hoặc thực hiện dịch vụ chậm ảnh hưởng tiến độ của Bên A với thời gian quy định tại Điều 3.1 của Hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, thì Bên A tùy thuộc vào quyết định của mình có quyền:
 - a) Chỉ định bên thứ ba có khả năng thực hiện dịch vụ. Trong trường hợp đó Bên B có trách nhiệm ký hợp đồng với bên được chỉ định để tiếp tục thực hiện dịch vụ cho Bên A; hoặc
 - b) Trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ với bên thứ ba để tiếp tục thực hiện công việc của Hợp đồng. Trong trường hợp đó Bên B phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có; hoặc
 - c) Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% tổng giá trị của phần Hợp đồng bị vi phạm.
- 5.4 Trường hợp Bên B tự ý chấm dứt Hợp đồng mà không có lý do hợp lý theo quan điểm của Bên A hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng mà không phải do sự kiện Bất khả kháng như quy định tại Điều 9 thì Bên B sẽ bị phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng, đồng thời Bên B phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan như quy định tại Điều 5.3 của Hợp đồng.
- 5.5 Tổng giá trị các loại phạt không vượt quá 08% tổng giá trị của Hợp đồng.
- 5.6 Giá trị để tính phạt vi phạm Hợp đồng ghi ở Điều 5 của Hợp đồng này là giá trị không bao gồm thuế GTGT và đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí khác (nếu có).

- 5.7 Để thu hồi khoản tiền phạt vi phạm, Bên A sẽ toàn quyền:
- 1) Khấu trừ khoản tiền phạt vi phạm từ các khoản tiền mà Bên A phải thanh toán cho Bên B tại Hợp đồng này hoặc theo các hợp đồng khác được ký kết giữa hai Bên;
 - 2) Yêu cầu Ngân hàng cấp Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng thanh toán ngay khoản tiền Bên B mở bảo đảm cho Bên A;
 - 3) Bằng văn bản, yêu cầu Bên B thanh toán. Trong mọi trường hợp, Bên B cam kết nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho Bên A.
- 5.8 Việc bồi thường thiệt hại (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

ĐIỀU 6: BẢO HÀNH

- 6.1. Bên B chịu trách nhiệm bảo hành thiết bị sau khi sửa chữa trong thời hạn **03 tháng** kể từ ngày hai Bên ký biên bản nghiệm thu, giao nhận thiết bị theo Hợp đồng này.
- 6.2. Trong thời gian bảo hành nếu Bên A phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng thiết bị thì Bên A sẽ thông báo kịp thời bằng fax/email cho Bên B biết để cùng nhau xác minh. Việc xác minh sai sót về chất lượng phải được Bên B tiến hành không chậm quá 05 ngày lịch kể từ ngày Bên B nhận được thông báo. Việc xác minh phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ kết luận về nguyên nhân gây ra hư hỏng, xác định trách nhiệm sửa chữa các hư hỏng đó thuộc về Bên nào và thời hạn sửa chữa để làm căn cứ pháp lý trong thực hiện Hợp đồng này.
- 6.3. Tùy mức độ hư hỏng, nhưng không quá 05 ngày lịch kể từ ngày có kết luận về nguyên nhân hư hỏng, sai sót về chất lượng thiết bị do lỗi của Bên B thì Bên B phải tiến hành khắc phục/ sửa chữa các sai sót về chất lượng thiết bị cho Bên A.
- 6.4. Trong thời hạn 05 ngày lịch kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A, nếu Bên B không trả lời thì coi như đã chấp nhận có sai sót về chất lượng thiết bị do lỗi của mình và có trách nhiệm phải khắc phục/sửa chữa các sai sót đó trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.
- 6.5. Nếu Bên B tiến hành sửa chữa/ khắc phục bị chậm so với thời hạn qui định tại các Điều 6.3 và 6.4 của Hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt theo mức phạt giao thiết bị chậm như quy định tại Điều 5.1 của Hợp đồng này.
- 6.6. Trong thời hạn quy định trên tại Điều 6 của Hợp đồng này, nếu Bên B không tiến hành khắc phục/ sửa chữa các sai sót về chất lượng do lỗi của mình thì Bên A có quyền tiến hành khắc phục/ sửa chữa và Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ chi phí khắc phục/sửa chữa này, đồng thời phải chịu phạt 08% giá trị của thiết bị này. Cách thức Bên A thu hồi tiền phạt từ Bên B được thực hiện theo quy định tại Điều 5.7 của Hợp đồng này.
- 6.7. Thiết bị sau khi được Bên B sửa chữa/ khắc phục/ thay mới trong thời kỳ bảo hành sẽ được Bên B bảo hành lại **03 tháng** kể từ ngày giao nhận thiết bị đã sửa chữa/ khắc phục với nội dung giao nhận theo quy định tại Phụ lục 02 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: THANH TOÁN

- 7.1. Bên A thanh toán cho Bên B **một (01)** lần cho toàn bộ các hóa đơn dịch vụ đã thực hiện phù hợp với các Điều khoản của Hợp đồng bằng phương thức chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ gồm:
 - 1) Công văn đề nghị thanh toán của Bên B: 01 Bản gốc (Nơi nhận: Xí nghiệp Khai thác Dầu khí, Số 15 Lê Quang Định, Phường Thảng Nhất, Thành phố Vũng Tàu),
 - 2) Hóa đơn điện tử thuế GTGT ghi theo từng loại thuế suất thuế GTGT phù hợp với qui định hiện hành của Nhà nước, trong hóa đơn ghi đầy đủ thông tin của Bên A như sau:
 - Họ tên người mua hàng: **Xí nghiệp Khai thác Dầu khí**

- Tên đơn vị: **Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro**
 - Mã số thuế: 3500102414
 - Địa chỉ: 105 Lê Lợi, phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Dầu mộc (treo) của Bên B; Không được tẩy xóa, sửa chữa hoặc viết tắt.
- Theo qui định của cơ quan thuế hóa đơn điện tử cần có các thông tin sau:
- + Địa chỉ website để truy cập, tra cứu và mã tra cứu.
 - + Thông tin về đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử cho Bên B.
 - + Thông báo của cơ quan thuế về việc chấp nhận đăng ký hóa đơn điện tử;
- 3) Biên bản quyết toán và thanh lý Hợp đồng có xác nhận của Lãnh đạo có thẩm quyền của hai Bên (theo mẫu tại Phụ lục số 04): Bản gốc;
 - 4) Biên bản bàn giao và nghiệm thu thiết bị sau khi sửa chữa có xác nhận của Lãnh đạo có thẩm quyền của hai Bên (Bản gốc) (theo mẫu tại Phụ lục số 02);
 - 5) Các chứng chỉ khi bàn giao thiết bị sau khi sửa chữa (quy định tại Điều 3.3 của Hợp đồng);
 - 6) Biên bản thu hồi và giao trả vật tư, phụ tùng cũ (theo mẫu tại Phụ lục số 03): Bản gốc;
 - 7) Biên bản bàn giao thiết bị trước khi sửa chữa có xác nhận của Lãnh đạo có thẩm quyền Bên A và đại diện thực hiện việc giao nhận của Bên B (Bản gốc) (theo mẫu tại Phụ lục số 01);
 - 8) Các công văn trao đổi của hai Bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có) (Bản gốc hoặc bản sao);
 - 9) Giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (theo mẫu tại Phụ lục số 05): 01 Bản copy;
 - 10) Hợp đồng: 01 Bản gốc.
- 7.2. Bên A chỉ thanh toán cho Bên B theo giá trị đã thực hiện có tính đến sự phù hợp với các quy định của Hợp đồng này và các văn bản thỏa thuận khác liên quan đến Hợp đồng do cấp có thẩm quyền của hai Bên ký duyệt.
- 7.3. Thông tin về tài khoản thanh toán của Bên B được ghi ở trang đầu của Hợp đồng là duy nhất và được áp dụng trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Bên A không thanh toán vào bất kỳ tài khoản nào khác khi chưa có ý kiến bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật của Bên B .
- 7.4. Phí chuyển tiền do Bên chuyển tiền chịu.

ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 8.1 Trong vòng 05 ngày làm việc sau ngày ký Hợp đồng (ghi tại trang 01 của Hợp đồng), Bên B phải nộp Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng (theo mẫu tại Phụ lục số 05 của Hợp đồng này) được cấp bởi Ngân hàng có uy tín và được Bên A chấp nhận. Giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng là: VNĐ (Bằng chữ:). Hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng bằng thời gian thực hiện dịch vụ theo quy định tại Điều 3.1 cộng thêm 60 ngày lịch.
- 8.2 Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng do Bên B chịu.
- 8.3 Trong thời gian quy định tại Điều 8.1 nêu trên, Bên B phải nộp bản gốc Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên A. Nếu sau thời hạn quy định tại Điều 8.1 nêu trên, Bên A không nhận được Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng thì Bên A có toàn quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ chi phí nào liên quan hoặc áp dụng quy định tại Điều 5.7 của Hợp đồng này.
- 8.4 Bên B không được nhận lại giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B từ chối hoặc không thực hiện Hợp đồng sau khi ký Hợp đồng.

- 8.5 Trong trường hợp Bên B vi phạm trách nhiệm thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này thì khoản tiền bảo đảm thực hiện Hợp đồng được Bên A dùng để khấu trừ tiền phạt.
- 8.6 Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng thực hiện sửa đổi Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Giấy bảo đảm này vì lý do chậm thực hiện dịch vụ hoặc gia hạn thời hạn thực hiện dịch vụ, đồng thời gửi ngay cho Bên A Giấy bảo đảm đã gia hạn hiệu lực này. Trường hợp Bên B chậm gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo yêu cầu bằng văn bản của Bên A thì Bên B phải chịu phạt 0,2% giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho mỗi ngày chậm. Tổng giá trị phạt không vượt quá 08% giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

- 9.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, bão, lốc xoáy, động đất, sóng thần), hỏa hoạn, dịch bệnh (Epidemic, Pandemic) được WHO/Quốc gia công bố, lệnh phong tỏa Vùng/Quốc gia do Chính quyền sở tại áp đặt.
- 9.2. Bên gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến việc không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải ngay lập tức thông báo cho Bên kia biết, bao gồm cung cấp thông tin, giải trình về sự ảnh hưởng trực tiếp của sự kiện bất khả kháng đến việc vi phạm thực hiện Hợp đồng kèm chứng cứ để chứng minh, nêu rõ các biện pháp đã được thực hiện để khắc phục vấn đề và giảm thiểu tổn thất. Việc chậm thông báo, cung cấp thông tin và giải trình nếu trễ hơn 14 ngày lịch sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra sẽ làm cho Bên gặp sự kiện bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.
- 9.3. Văn bản xác nhận của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
- 9.4. Nếu bất kỳ một sự kiện bất khả kháng nào xảy ra, ngăn cản một Bên thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo Hợp đồng này thì thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian mà sự kiện bất khả kháng diễn ra.
- 9.5. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 02 tháng, mỗi Bên bằng thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại, đều có quyền chấm dứt Hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho Bên kia.
- 9.6. Các khó khăn trong sản xuất như thiếu vật tư, điện, nhân công, đình công... không được coi là sự kiện bất khả kháng và không miễn cho Bên B nghĩa vụ thực hiện dịch vụ hoặc thực hiện dịch vụ muộn; Các thông tin từ trang báo, mạng và các phương tiện truyền thông khác chỉ mang tính chất tham khảo.

ĐIỀU 10: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 10.1 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai Bên trên tinh thần hợp tác, hai Bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau. Thời gian để hai Bên tiến hành thương lượng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp giữa hai Bên.
- 10.2 Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (“VIAC”) tại Thành phố Hồ Chí Minh để phân xử theo Quy tắc tổ tụng của Trung tâm này. Phán quyết của Trung tâm trọng tài là cuối cùng và buộc hai Bên phải tuân thủ. Mọi chi phí liên quan đến tranh chấp này sẽ do Bên thua kiện gánh chịu.

ĐIỀU 11: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 11.1 Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai Bên. Mọi giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp đồng được các Bên thực hiện bằng văn bản và gửi theo cách thức như sau:
- Theo đường bưu chính hoặc Fax: Theo thông tin của các Bên được ghi tại trang đầu của Hợp đồng này, và
 - Theo thư điện tử (email): huend.pt@vietsov.com.vn (thư ký, văn thư), tampv.pt@vietsov.com.vn ; haocv.gm@vietsov.com.vn
- 11.2 Những điều không quy định hoặc quy định không đầy đủ trong Hợp đồng này sẽ căn cứ vào luật pháp Việt Nam hiện hành.
- 11.3 Không Bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia.
- 11.4 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trường hợp xảy ra tranh chấp thì các văn bản dẫn chiếu được xem xét theo thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:
- 1) Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng;
 - 2) Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao Hợp đồng;
 - 3) Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
 - 4) Báo cáo phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
 - 5) Hồ sơ dự thầu của Bên B;
 - 6) Hồ sơ mời thầu của Bên A;
 - 7) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).
- 11.5 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký ghi ở trang 1 cho đến khi hai Bên thực hiện hết các trách nhiệm của mình theo quy định của Hợp đồng.
- 11.6 Hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng và hai bên hoàn thành các nghĩa vụ liên quan nếu hai Bên không có khiếu nại gì coi như Hợp đồng đã được thanh lý.
- 11.7 Hợp đồng gồm .. trang đã bao gồm 06 Phụ lục được lập thành 03 bản bằng tiếng Việt (có sử dụng tiếng Anh mô tả hàng hóa tại Phụ lục 06), các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản.
- Danh sách các Phụ lục đính kèm:
 - + Phụ lục số 01: Biên bản bàn giao thiết bị trước khi sửa chữa;
 - + Phụ lục số 02: Biên bản bàn giao và nghiệm thu thiết bị sau khi sửa chữa;
 - + Phụ lục số 03: Biên bản thu hồi và giao trả vật tư, phụ tùng cũ;
 - + Phụ lục số 04: Biên bản quyết toán dịch vụ và thanh lý Hợp đồng;
 - + Phụ lục số 05: Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng.
 - + Phụ lục số 06: Yêu cầu kỹ thuật.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC XNKT

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC CÔNG TY

PHỤ LỤC SỐ 01

(mẫu này do đơn vị đặt hàng Bên A lập)

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC DẦU KHÍ

“PHÊ DUYỆT”

Phó Giám đốc XNKT

.....
Ngày/..../20..

BIÊN BẢN BÀN GIAO THIẾT BỊ TRƯỚC KHI SỬA CHỮA

Ngày: ... / ... /⁽¹⁾

Trên cơ sở:

- Căn cứ Hợp đồng số: ký ngày .../.../.....
 - Công văn trao đổi (nếu có)
- Chúng tôi, những người ký tên dưới đây gồm:

1. Đại diện Bên giao (XNKT):

- Ông/ Bà: Chức vụ:
- Chức vụ:

2. Đại diện Bên nhận: Công ty

- Ông/ Bà..... Chức vụ:
- Ông/ Bà..... Chức vụ:

{Theo giấy giới thiệu số ... ngày/..../20... của Giám đốc Công ty}

Tại kho của Bên A vào lúc ... giờ ... phút ... ngày/..../20... các Bên cùng nhau tiến hành kiểm tra và ký biên bản nhận thiết bị cụ thể như sau:

Số TT	Tên thiết bị	ĐVT	Thực nhận		Tình trạng thiết bị trước khi giao	Đánh giá của đại diện nhà thầu khi nhận thiết bị
			SL	Trọng lượng		
.....

- Bên B ghi nhận tình trạng thiết bị như trên và sẽ tiến hành sửa chữa tại
- Thời hạn thực hiện công việc: bắt đầu từ ngày ...
- Các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện giao/ nhận thiết bị: (nếu có ghi rõ).

Biên bản này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản là cơ sở cho việc thanh quyết toán Hợp đồng.

Đại diện Bên giao

(Đại diện ĐVĐH & P.VT)

Ông/ bà: (ký và ghi rõ họ tên)

Ông/ bà: (ký và ghi rõ họ tên)

Đại diện Bên nhận

(Đại diện có thẩm quyền hoặc có ủy quyền)

Ông/ bà:..... (ký và ghi rõ họ tên)

Ông/ bà: (ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: ⁽¹⁾ Ngày ghi nhận giao thiết bị.

PHỤ LỤC SỐ 02

(mẫu này do nhà thầu lập)

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC DẦU KHÍ

“PHÊ DUYỆT”

Phó Giám đốc Vật tư XNKT

.....

Ngày / / 20..

BIÊN BẢN BÀN GIAO VÀ NGHIỆM THU THIẾT BỊ SAU KHI SỬA CHỮA

Ngày: ... / ... /⁽¹⁾

Trên cơ sở:

- Căn cứ Hợp đồng số: ký ngày .../.../.....;
- Biên bản bàn giao thiết bị trước khi sửa chữa, phê duyệt ngày .../.../20...;
- Công văn trao đổi (nếu có)

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây gồm:

1. Đại diện Bên giao thiết bị: Công ty

- Ông/ Bà..... Chức vụ:
- Ông/ Bà..... Chức vụ:

2. Đại diện Bên nhận thiết bị (XNKT):

- Ông/ Bà..... Chức vụ:
- Ông/ Bà..... Chức vụ:

Tại kho của Bên A vào lúc ... giờ ... phút ... ngày .../.../20... các Bên cùng nhau tiến hành kiểm tra, ký biên bản nghiệm thu thiết bị chi tiết như sau:

Số TT	Tên thiết bị	ĐVT	Thực nhận		Đánh giá của nhà thầu về thiết bị sau khi đã sửa chữa	Đánh giá của XNKT về thiết bị sau khi sửa chữa chạy thử
			SL	Trọng lượng		
.....

- Thời gian thực hiện: Bên B thực hiện từ ngày ... đến ngày (tổng cộng: ... ngày)
- Chất lượng dịch vụ: Bên A đã kiểm tra và nghiệm thu thiết bị, Bên B đáp ứng yêu cầu của Bên A, thiết bị bảo đảm được sử dụng ngay sau khi hoàn thành kiểm định kỹ thuật.
- Các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện giao/ nhận thiết bị: (nếu có ghi rõ).

3. Các tài liệu kèm theo biên bản này bao gồm:

- 1) Biên bản bàn giao thiết bị trước khi sửa chữa, phê duyệt ngày ngày .../.../20...;
- 2) Các chứng chỉ:
- 3) Công văn trao đổi hai bên (nếu có)

Biên bản này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản là cơ sở cho việc thanh toán Hợp đồng.

Đại diện Bên nhận

(Đại diện đơn vị đặt hàng & P.VT XNKT)

Đại diện Bên giao

(Giám đốc Công ty)

Ghi chú: ⁽¹⁾ Ngày ghi nhận nghiệm thu thiết bị.

PHỤ LỤC SỐ 03

(mẫu này do nhà thầu lập)

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC DẦU KHÍ

“PHÊ DUYỆT”

Lãnh đạo XNKT

Ngày ____ / ____ / ____

BIÊN BẢN SỬ DỤNG/THU HỒI & GIAO TRẢ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG

Ngày: ... / ... /

Căn cứ Hợp đồng số: ký ngày/...../2023

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây gồm:

1. Đại diện bên A: XN Khai thác Dầu khí

- Ông: chức vụ:

2. Đại diện bên B: C.Ty

- Ông: chức vụ: Ghi chú

Cùng nhau tiến hành xác nhận hàng hóa sau đây đạt yêu cầu:

Bảng 1: Vật tư, phụ tùng được đưa vào sử dụng/ thay thế:

STT	Tên vật tư, phụ tùng	Nhãn hiệu	Mã vật tư	ĐVT	SL	Giá trị tài sản	Tình trạng chất lượng	Quyền sở hữu		Ghi chú
								Nhà thầu	VSP	
1
2					
n					

Bảng 2: Vật tư, phụ tùng đã cũ tháo ra và trả lại cho Bên A:

STT	Tên vật tư, phụ tùng	Nhãn hiệu	Mã vật tư	ĐVT	SL	Giá trị tài sản	Tình trạng chất lượng	Quyền sở hữu		Ghi chú
								Nhà thầu	VSP	
1
2					
n					

Đại diện bên A

(Ký xác nhận ghi rõ họ tên)

Đại diện bên B

(Ký xác nhận ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 04

(mẫu này do nhà thầu lập)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN DỊCH VỤ VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Trên cơ sở:

- Hợp đồng số ký ngày .././... giữa Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro – Xí nghiệp Khai thác Dầu Khí với Công ty về việc “.....”.
- Các chứng từ, biên bản liên quan đến thực hiện dịch vụ.

Hôm nay, ngày .././... đại diện hai Bên gồm có:

Bên A: Liên doanh Việt – Nga Vietsovetro

Địa chỉ : 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại : 0254 3839871 / Fax: 0254 3857499

Do Ông : **Nguyễn Quốc Dũng**, Giám đốc Xí nghiệp Khai thác Dầu khí thuộc Liên doanh Việt Nga Vietsovetro.

Bên B:

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:

Do Ông :, Giám đốc làm đại diện.

Hai Bên tiến hành quyết toán dịch vụ và thanh lý hợp đồng với các nội dung sau đây:

Điều 1: Thực hiện công việc

- Thời hạn thực hiện dịch vụ theo Hợp đồng:
- Thời hạn thực hiện dịch vụ theo thực tế: từ ngày .././20... đến ngày .././20... (tổng cộng ... ngày)

Điều 2: Chất lượng dịch vụ:

Bên B đã hoàn thành thực hiện công việc, Bên A đã nghiệm thu dịch vụ, đáp ứng các yêu cầu của Hợp đồng.

Điều 3: Giá trị dịch vụ

- Tổng giá trị theo Hợp đồng: VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT),
- Tổng giá trị dịch vụ như sau:

STT	Phạm vi cung cấp dịch vụ	ĐVT	SL	Số ngày	Đơn giá VNĐ	Thành tiền VNĐ
1
..
Tổng giá trị dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)					
Tiền thuế GTGT (... %)					
Tổng giá trị dịch vụ (Đã bao gồm thuế GTGT)					

(Bảng chữ:

- Số tiền phạt vi phạm Hợp đồng (nếu có): (nếu có ghi rõ).

Điều 3: Các chứng từ kèm theo:

- Biên bản bàn giao và nghiệm thu thiết bị sau khi sửa chữa, phê duyệt ngày ngày.../.../20...;
- Các chứng chỉ theo quy định của hợp đồng.
- Biên bản bàn giao thiết bị trước khi sửa chữa, phê duyệt ngày .../.../20...;
- Công văn trao đổi hai bên (nếu có)

Biên bản này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản là cơ sở cho việc thanh toán Hợp đồng. Sau khi Bên A hoàn tất nghĩa vụ chuyển tiền và Bên B nhận đủ số tiền, các Bên không phát sinh tranh chấp gì thì Hợp đồng được thanh lý.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Giám đốc XNKTDK

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám đốc Công ty

Nguyễn Quốc Dũng

.....

Ký tắt:

- *Trưởng Phòng TM:*

- *Chánh kế toán:*

- *Trưởng Ban DVKT&VH:*



PHỤ LỤC SỐ 05
MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm

Kính gửi: **Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro**

Liên quan tới Hợp đồng số _____ về việc _____ (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) được ký giữa _____ (sau đây gọi là “BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH”) và _____ (sau đây gọi là “BÊN THỤ HƯỞNG”), chúng tôi, _____ có trụ sở chính tại _____ (sau đây gọi là “BÊN BẢO LÃNH”) phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện cho Bên thụ hưởng với số tiền là _____ (Bằng chữ: _____) (sau đây gọi là “THƯ BẢO LÃNH”).

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến _____ sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH cam kết **không hủy ngang và vô điều kiện** thanh toán ngay cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG ghi rõ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kì Bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ [do Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật] / [sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC].

THƯ BẢO LÃNH này được phát hành duy nhất 01 (một) bản bằng tiếng Việt và không được phép chuyển nhượng. Trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt là căn cứ pháp lý.

NGÂN HÀNG BẢO LÃNH

(Ký tên và đóng dấu)

Lưu ý: Thư bảo đảm phải được lập đúng theo mẫu nêu trên và do người đại diện có thẩm quyền ký, trong trường hợp ủy quyền phải kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ.

PHỤ LỤC SỐ 06
YÊU CẦU KỸ THUẬT KÈM THEO CÁC TÀI LIỆU KỸ THUẬT

Kèm theo hợp đồng số

(Cung cấp “Dịch vụ sửa chữa đại tu máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí”, số hiệu gói thầu: DVN-DV-3759/24-KT-DA-TTH)

(bao gồm 06 trang)



YÊU CẦU KỸ THUẬT
TECHNICAL REQUIREMENTS

Tên hàng hóa/dịch vụ - На приобретение : Dịch vụ sửa chữa đại tu máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí.

Job/Service: Providing the repair and overhauls service for the Air conditioner of the mechanical workshop

1. MỤC ĐÍCH

- 1.1 Sửa chữa, đại tu phục hồi lại cụm máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí trên tàu FPSO nhằm đảm bảo yêu cầu về điều kiện làm việc bên trong phòng sửa chữa cơ khí (Mechanical Workshop)
- 1.2 Yêu cầu kỹ thuật này cùng các tài liệu kỹ thuật tham chiếu đính kèm qui định các yêu cầu tối thiểu cho công việc sửa chữa, đại tu cụm máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí trên FPSO TGT-1.

2. GIỚI THIỆU VÀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT THAM CHIẾU ĐÍNH KÈM

2.1 Giới thiệu

Máy điều hòa không khí được sử dụng trong phòng sửa chữa cơ khí trên tàu FPSO.

Thông số kỹ thuật

Model: VA-RP-15WL5

Refrigerant: R407C

Power supply: 440V/3φ/60Hz

Norminal Capacity: 50Kw

Compressor type: Hermetic Scroll

Power input: 20Kw

Condenser type: Sea water cooled; Flow: 35,94m³/hr; Tube: CU/Ni 90/10

Capacity: 60Kw

Fan type: Multi-Blade centrifugal

Manufacture: Viking Airtech

Operating weight: 520Kg

Overall dimension (HxWxD)mm: 1850 x 1400 x 750

2.2 Tài liệu kỹ thuật tham chiếu

2.2.1 Thông số kỹ thuật của nhà sản xuất

2.2.2 Bản vẽ

2.2.3 Báo cáo hư hỏng

3 YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ:

- 3.1 Các bộ phận sau khi sửa chữa, đại tu thay thế đảm bảo độ chính xác và yêu cầu kỹ thuật. Vỏ máy và chân đế phải được chống ăn mòn và sơn đảm bảo làm việc trong môi trường biển. Vỏ máy phải được bọc cách nhiệt.
- 3.2 Giàn bay hơi và các ống đồng thay thế phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Sau khi sửa chữa thay thế phải đáp ứng yêu cầu cho hệ thống làm việc. Giàn bay hơi phải được thử kín trước khi lắp đặt
- 3.3 Sửa chữa thay thế các ống đồng của bầu ngưng tụ phải đáp ứng yêu cầu về vật liệu tương đương như thông số kỹ thuật nêu ở mục 2.1 và phải được thử kín trước khi lắp đặt.



- 3.4 Toàn bộ vỏ quạt và quạt gió sau sửa chữa thay thế phải đáp ứng theo thiết kế của nhà sản xuất. Motor phải được kiểm tra, đảm bảo điện trở cách điện. Cánh quạt phải được cân bằng động
- 3.5 Các máy nén của máy điều hòa sau khi đại tu, sửa chữa thay thế phải đáp ứng đúng theo yêu cầu của nhà sản xuất.
- 3.6 Hệ thống phải được hút chân không sau khi kết nối, nạp gas đúng yêu cầu kỹ thuật
- 3.7 Quạt lồng sóc thay thế phải được kiểm tra cân bằng động.
- 3.8 Máy điều hòa không khí được sử dụng trong phòng sửa chữa cơ khí trên tàu FPSO. Sau khi sửa chữa các thông số phải đáp ứng theo yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất. Đảm bảo vận hành ổn định và an toàn
- 3.9 Bảo hành: 3 tháng kể từ ngày bàn giao thiết bị sau sửa chữa
- 3.10 Thời gian thực hiện dịch vụ và bàn giao thiết bị sau sửa chữa: 03 tuần (kể từ ngày ký biên bản bàn giao thiết bị đưa vào sửa chữa)

4 TIÊU CHUẨN:

N/A

5 PHẠM VI CÔNG VIỆC

Từ hiện trạng hư hỏng, nhà thầu tiến hành sửa chữa, đại tu, chế tạo, thay thế phục hồi các chi tiết, bộ phận bên trong của máy điều hòa không khí kiểu làm mát bằng nước biển với thông số & đặc tính kỹ thuật được đề cập trong tài liệu kỹ thuật tham chiếu ở mục 2.2. Phạm vi công việc sửa chữa, đại tu, chế tạo, phục hồi các chi tiết, bộ phận bao gồm không giới hạn như sau:

- 5.1 Vận chuyển máy điều hòa không khí từ kho của XNKT về xưởng của Nhà thầu.
- 5.2 Tháo rã, vệ sinh toàn bộ các bộ phận bên trong của máy điều hòa không khí, kiểm tra tình trạng của các bộ phận
- 5.3 Tiến hành đo vẽ các chi tiết, các bộ phận của máy điều hòa không khí làm cơ sở gia công chế tạo, phục hồi
- 5.4 Thực hiện việc kiểm tra độ kín của các bộ phận, hút chân không, thay dầu bôi trơn, nạp gas sau khi hoàn thiện lắp ráp, đấu nối.
- 5.5 Thực hiện các công việc theo chi tiết danh mục được nêu trong mục 9 bên dưới

6 NĂNG LỰC KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU

- 6.1 Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sửa chữa, đại tu các máy điều hòa không khí hoặc hệ thống lạnh HVAC trên các công trình biển/ công trình dầu khí
Có ít nhất 02 hợp đồng tương tự trong vòng 5 năm gần nhất về việc sửa chữa, bảo dưỡng cho các máy điều hòa không khí hoặc hệ thống lạnh HVAC có công suất ít nhất bằng với thiết bị cần sửa chữa trên các công trình biển/ dầu khí.
- 6.2 Có nhà xưởng và đầy đủ dụng cụ, máy móc thiết bị cần thiết để thực hiện công việc sửa chữa đại tu cho máy điều hòa không khí. Nhân viên thực hiện việc sửa chữa, đại tu phải có chứng chỉ chuyên môn về điện lạnh

7 TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU

- 7.1 Thực hiện các công việc theo chi tiết danh mục được nêu trong mục 9 bên dưới
- 7.2 Thời gian thực hiện dịch vụ và bàn giao thiết bị sau sửa chữa không quá 3 tuần. Nhận thiết bị và bàn giao thiết bị tại kho của XNKT số 15 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu.
- 7.3 Thông báo cho XNKT tham gia chứng kiến khi chạy thử
- 7.4 Nhà thầu được yêu cầu xác nhận các thông số kỹ thuật sau khi sửa chữa, đại tu đáp ứng như yêu cầu trong mục 3.
- 7.5 Nhà thầu có thể khảo sát trước máy điều hòa không khí tại kho XNKT bằng chi phí của nhà thầu.
- 7.6 Bảo hành: 03 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao thiết bị sau khi sửa chữa

8 TRÁCH NHIỆM CỦA XÍ NGHIỆP KHAI THÁC

- 8.1 Cung cấp các thông tin cần thiết của thiết bị (nếu có) phục vụ sửa chữa thiết bị.
- 8.2 Phối hợp với nhà thầu trong việc giao nhận hàng
- 8.3 Tổ chức vận chuyển thiết bị an toàn ra công trình bình và lắp đặt đúng theo tài liệu nhà sản xuất

9 DANH MỤC SỬA CHỮA:

STT No.	Tên hàng hoá/ Description	ĐV tính Unit	(MSR,...)
	(Ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật) (P/N, technical specifications)		
1	Sửa chữa, gia công thay thế vỏ máy và chân đế, bọc cách nhiệt superlon dày 19mm xung quanh, sơn toàn bộ vỏ máy	lot	"
2	Gia công thay mới 2 giàn bay hơi cho 2 cụm máy nén 7,5Kw và 4,4Kw - 3pha Thay thế các ống đồng bị thủng, hư hỏng. Hàn đầu nối, thử kín áp suất 15bar/ 24 hours.	lot	"
3	Sửa chữa, thay thế các ống đồng trao đổi nhiệt bị thủng của bầu ngưng tụ. Làm sạch và thử kín bầu ngưng tụ bằng khí ni-tơ 25bar/ 24 hours	lot	"
4	Bảo dưỡng, sửa chữa, đại tu máy nén 7,5Kw- 3 pha và máy nén 4,4Kw - 3 pha - 380/415v - 50Hz, 440v - 60Hz. Kiểm tra máy nén, thay dầu bôi trơn, chạy thử	lot	"
5	Sửa chữa, thay thế vỏ quạt gió cho giàn bay hơi. Bảo dưỡng, sửa chữa motor lai quạt gió, thay dây đai truyền động. Thay thế quạt gió kiểu lồng sóc.	lot	"
6	Sửa chữa, thay thế toàn bộ các ống đồng để kết nối các hệ thống, thay dầu bôi trơn cho các máy nén, thay phin lọc âm, Hút chân không toàn bộ hệ thống, nạp gas R407C, thay đồng hồ áp suất đầu hút và áp suất đầu đẩy, kiểm tra thay thế toàn bộ các rơ le bảo vệ, kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa bộ điều khiển cho hệ thống.	lot	"
7	Kiểm tra chạy thử, đóng gói, bàn giao	Lot	"

10 YÊU CẦU VỀ ĐÓNG GÓI:

- 10.1 Hàng hoá phải được đóng gói sau sửa chữa phù hợp với vận chuyển, nâng hạ; không bị hư hỏng, biến dạng khi vận chuyển
- 10.2 Giao nhận hàng hoá tại kho của Xí nghiệp Khai thác .

11 TÀI LIỆU KỸ THUẬT:

- 11.1 Nhà thầu phải cung cấp trong hồ sơ dự thầu tài liệu chứng minh cho tất cả các mục tại mục 6
- 11.2 Nhà thầu phải cung cấp quy trình/ phương án sửa chữa máy điều hòa không khí như yêu cầu kỹ thuật trong hồ sơ chào thầu.

12 CHỨNG CHỈ CẦN THIẾT:

- 12.1 Chứng chỉ xuất xứ/ Chất lượng cho gas lạnh (Refrigerant): Bản sao xác nhận nhà cung cấp
- 12.2 Chứng chỉ xuất xứ/ Chất lượng cho dầu bôi trơn máy nén : Bản sao xác nhận nhà cung cấp
- 12.3 Báo cáo cân bằng động cánh quạt : Bản gốc
- 12.4 Báo cáo thử áp lực cho giàn bay hơi và bầu ngưng tụ kèm hình ảnh : Bản gốc
- 12.5 Cam kết bảo hành : Bản gốc

Package Unit Air Conditioner for BAB Workshop

One (1) set of Self-Sea water cooled packaged Air Conditioner will be furnished inside BAB Workshop to maintain the desired environment for personnel and all installations inside, which shall be Sea-water cooled, stand-alone duct type, and to be 5% Fresh Air. No standby.

Unit General Data:

Model : VA-RP-15WL5
 Refrigerant : R-407C (Conversion R22)
 Power Supply : 440V/ 3Φ /60 Hz
 Nominal Capacity : 50kW
 Operating Weight : 520Kg (Net Weight)

Compressor

Type : Hermolic Scroll
 Model : G1000EL+G603DH
 Power Input : 20 Kw (app)
 Start Current (Amp:) : 102
 Running Current (Amp:) : 13+8.5
 Capacity Steps : 0,63,100%

CONDENSER

Type : SM-3010, Sea- Water Cooled, Shell-API sch PIPE, Tubes-CU/NI 90/10 low finned tubes
 Water Flow : ~35.94 m³/Hr
 Pressure Drop : ~8.75psi
 Cooling water inlet : 2-1/2", c/w counter flange
 Cooling water outlet : 2-1/2", c/w counter flange
 Water Inlet/out Temp. : 32°C / 37°C Sea Water
 Quantity : 1

Fan

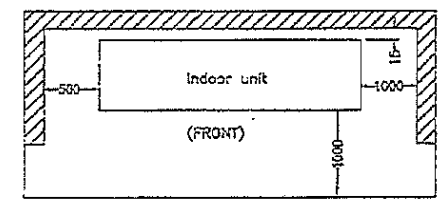
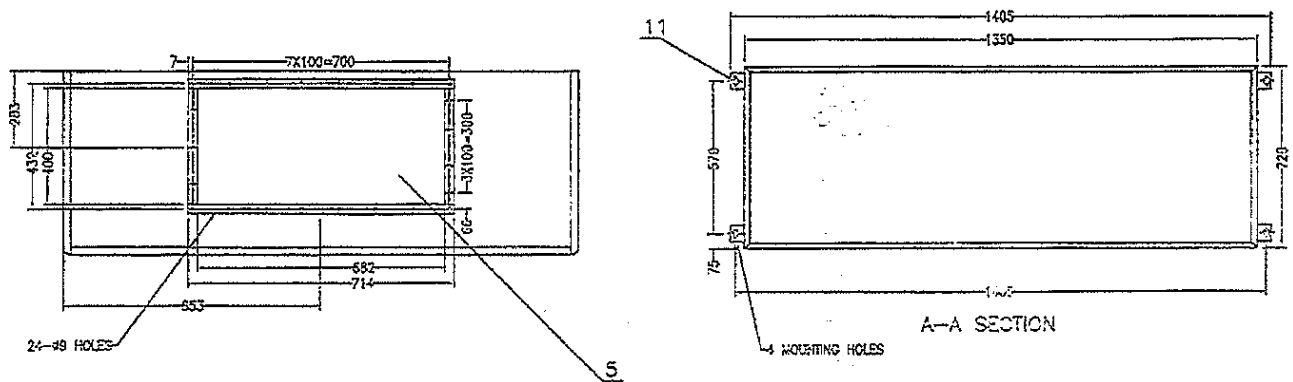
Type : Multi-blade Centrifugal Fan
 Drive : Built-in Direct
 Nominal Flow : 7800 m³/h
 Motor Output : 3.7 kW (one size bigger than the standard)
 Running Current (Amp:) : 3.0

Evaporator Coif

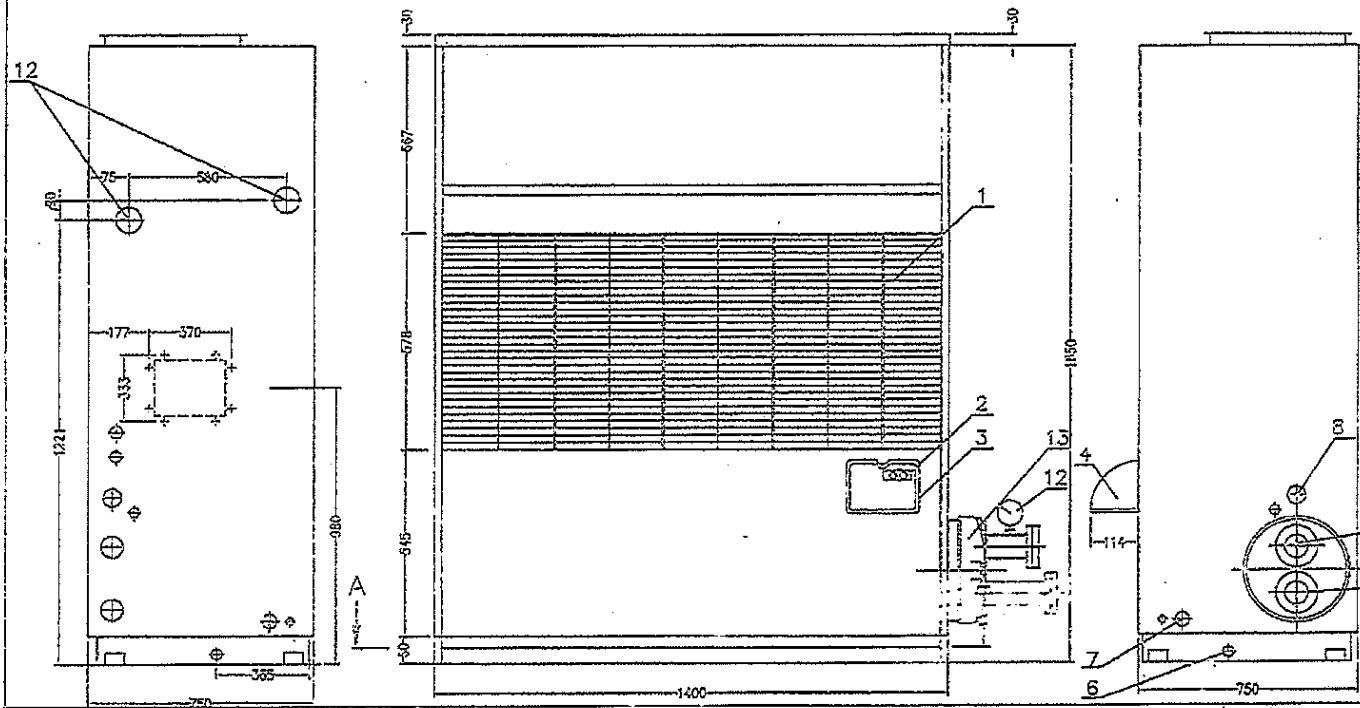
Tube type : Multi-Pass Cross-Finned Tube
 Copper Tube / Aluminum Fin
 Drain Connection : FPT 1"
 Emergency Drain : FPT 1/2"
 Overall Dimension (H x W x D) mm : 1850 X 1400 X 750

Electric Control Panel is assembled together Packaged Unit, which requires minor labor for wiring connections on site and one (1) incoming cable (power feeder) only.

REV ID	REVISION NOTE	DATE	ISSUED
00	FOR APPROVAL	MAR-2011	NANDAR
A1	FOR AGS APPROVAL	APR-2011	NANDAR
00	FOR CONSTRUCTION	APR-2011	NANDAR



SERVICE SPACE



REMARK:
 FRESH AIR INLET SIZE AND LOCATION SHALL BE DECIDED AND INFORMED BY YARD AFTER DUCT ARRANGEMENT CONFIRMED, THE EXISTING ONE IS FOR REFERENCE ONLY.

MARK	NAME	SUMMARY
1	AIR INLET(Front)	
2	PILOT LAMP	
3	CONTROL PANEL COVER	
4	LENGTH FOR OPENING CONTROL PANEL COVER	
5	AIR OUTLET(UPPER) BY DUCT	
6	POWER SOURCE WIRING HOLE (#62 (#40.5 KNOCK CUT HOLE))	#62
7	EMERGENCY DRAIN CONN.	FPT 1/2"
8	DRAIN CONN.	FPT 1"
9	COOLING WATER OUTLET	2-1/2"
10	COOLING WATER INLET	2-1/2"
11	HOLE FOR ANCHOR BOLT(4-M8)	
12	WATER PRESSURE GAUGE	
13	SFA WATER CONDENSER	SM3010

VOM VIKING AIRTECH PTE LTD 21, KIAN TECK ROAD, SINGAPORE 628773 Tel: +65 6291 5500 Fax: +65 6291 5520 Email: info@vikingairtech.com Web: www.viking.com		PROJECT: FPSO CUSTOMER: KEPPLER SHIPYARD DRAWN: NANDAR APPROVED: SINHUI	CAD FILE: THE INFORMATION CONTAINED HEREIN IS THE EXCLUSIVE PROPERTY OF VIKING AIRTECH PTE LTD. THEY MUST NOT BE USED OR REPRODUCED IN WHOLE OR IN PART WITHOUT PERMISSION IN WRITING.
BAB WORKSHOP SEA-WATER COOLED PU		DWG NO: VA01551-ACD-M039 REV: 00 PAGE: 2 of 3 SCALE: NTS A3 DATE: MAR-2011	DIMENSIONS ARE TO BE TAKEN UNLESS OTHERWISE SPECIFIED.



TECHNICAL REPORT

Facility: FPSO Armada TGT1 **Report No.:** 240307

Discipline: Mech. department **Inspected Date:** 16-03-2024

Type of report:
 Equipment Failure Piping Failure External corrosion
 Internal corrosion

A. DESCRIPTIONS

Location: Mechanical workshop **WO Number:**

Equipment Name: Air conditioner unit for mechanical workshop **Piping No.:** N/A

Event of Failure:
The air conditioner unit for mechanical workshop is failed, evaporator fan is damaged.

Status of equipment/piping before inspected (attach evidence, P&ID, etc. If needed for clarity)

- The evaporator of air conditioner is badly corroded.
- The evaporator fan is damaged.

B. TROUBLESHOOT STEPS

- Isolated the system.
- Removed and sent the air conditioner package to onshore for repairing.

STATUS OF EQUIPMENT/PIPING AFTER INSPECTED (ATTACH EVIDENCE, P&ID, ETC. IF NEEDED FOR CLARITY)

Waiting onshore repairing.

ROOT CAUSE: (IF FOUND)

The air conditioner in workshop has been working for a long time under dirty/rusty condition due to welding /cutting in workshop.

C. RECOMMENDATIONS TO PREVENT RECURRENCE

Remove and sent the air conditioner package to onshore for repairing as following require: Replace evaporator fan, repair or replace evaporator coil, flush all refrigerant system, leak test and repair/replace all leaking points, check and repair the compressor if required, check and repair any other defects, recharge lube oil for compressor, recharge refrigerant and sanction test.

COMPILED BY:
Nguyen Dinh Khanh
Digitally signed by Nguyen Dinh Khanh
 DN: cn=Nguyen Dinh Khanh, o=OGPE, Vietsovpetro J.V, ou=FPSO Armada TGT-1, email=tgt-mechsup@vietsov.com.vn, c=VN
 Date: 2024.03.16 14:56:27 +07'00'

REVIEWED BY:
Nguyen Nhu Bao Chuong
Digitally signed by Nguyen Nhu Bao Chuong
 DN: cn=Nguyen Nhu Bao Chuong, o=Vietsovpetro, ou=Armada TGT1, email=chuongnb.pt@vietsov.com.vn, c=VN
 Date: 2024.03.16 14:57:01 +07'00'

ENDORSED BY OIM:
Quang DN
Digitally signed by Quang DN
 DN: cn=Quang DN, o=FPSO, ou=TGT1, email=tgt-oim@vietsov.com.vn, c=VN
 Date: 2024.03.16 15:43:23 +07'00'



PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Chương này bao gồm các tài liệu:

Phạm vi cung cấp dịch vụ, Yêu cầu kỹ thuật, Tiêu chí đánh giá kỹ thuật

(Cung cấp “Dịch vụ sửa chữa đại tu máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí”, số hiệu gói thầu: DVN-DV-3759/24-KT-DA-TTH)

- Phạm vi cung cấp dịch vụ (bao gồm 02 trang);
- Yêu cầu kỹ thuật kèm theo các tài liệu kỹ thuật (bao gồm 06 trang)
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật (bao gồm 01 trang).

Signed by: Phạm Văn Tâm
Date: 25/10/2024 11:30:07
Certified by: Vietsovetro CA

Signed by: Chu Văn Hào
Date: 25/10/2024 15:44:32
Certified by: Vietsovetro CA





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Providing repair and overhauls service the Air conditioner for mechanical workshop MSR-5150.

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Ký Mã Hiệu/ Số chi tiết Тип, марка, № детали	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	Nhà sản xuất Производител ь	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ							
II. DỊCH VỤ							
1		Sửa chữa, gia công thay thế vỏ máy và chân đế, bọc cách nhiệt superlon dày 19mm xung quanh, sơn toàn bộ vỏ máy				Lot	1,00
2		Gia công thay mới 2 giàn bay hơi cho 2 cụm máy nén 7,5Kw và 4,4Kw - 3pha Thay thế các ống đồng bị thủng, hư hỏng. Hàn đầu nối, thử kín áp suất 15bar/ 24 hours.				Lot	1,00
3		Sửa chữa, thay thế các ống đồng trao đổi nhiệt bị thủng của bầu ngưng tụ. Làm sạch và thử kín bầu ngưng tụ bằng khí ni-tơ 25bar/ 24 hours				Lot	1,00
4		Bảo dưỡng, sửa chữa, đại tu máy nén 7,5Kw- 3 pha và máy nén 4,4Kw - 3 pha - 380/415v - 50Hz, 440v - 60Hz. Kiểm tra máy nén, thay dầu bôi trơn, chạy thử				Lot	1,00
5		Sửa chữa, thay thế vỏ quạt gió cho giàn bay hơi. Bảo dưỡng, sửa chữa motor lai quạt gió, thay dây đai truyền động. Thay thế quạt gió kiểu lồng sóc.				Lot	1,00
6		Sửa chữa, thay thế toàn bộ các ống đồng để kết nối các hệ thống, thay dầu bôi trơn cho các máy nén, thay phin lọc ẩm, Hút chân không toàn bộ hệ thống, nạp gas R407C.				Lot	1,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Ký Mã Hiệu/ Số chi tiết Тип, марка, № детали	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	Nhà sản xuất Производител ь	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
7		Kiểm tra chạy thử, đóng gói, bàn giao				Lot	1,00

(*) : New items



YÊU CẦU KỸ THUẬT
TECHNICAL REQUIREMENTS

Tên hàng hóa/dịch vụ - На приобретение : Dịch vụ sửa chữa đại tu máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí.

Job/Service: Providing the repair and overhauls service for the Air conditioner of the mechanical workshop

1. MỤC ĐÍCH

- 1.1 Sửa chữa, đại tu phục hồi lại cụm máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí trên tàu FPSO nhằm đảm bảo yêu cầu về điều kiện làm việc bên trong phòng sửa chữa cơ khí (Mechanical Workshop)
- 1.2 Yêu cầu kỹ thuật này cùng các tài liệu kỹ thuật tham chiếu đính kèm qui định các yêu cầu tối thiểu cho công việc sửa chữa, đại tu cụm máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí trên FPSO TGT-1.

2. GIỚI THIỆU VÀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT THAM CHIẾU ĐÍNH KÈM

2.1 Giới thiệu

Máy điều hòa không khí được sử dụng trong phòng sửa chữa cơ khí trên tàu FPSO.

Thông số kỹ thuật

Model: VA-RP-15WL5

Refrigerant: R407C

Power supply: 440V/3φ/60Hz

Norminal Capacity: 50Kw

Compressor type: Hermetic Scroll

Power input: 20Kw

Condenser type: Sea water cooled; Flow: 35,94m³/hr; Tube: CU/Ni 90/10

Capacity: 60Kw

Fan type: Multi-Blade centrifugal

Manufacture: Viking Airtech

Operating weight: 520Kg

Overall dimension (HxWxD)mm: 1850 x 1400 x 750

2.2 Tài liệu kỹ thuật tham chiếu

2.2.1 Thông số kỹ thuật của nhà sản xuất

2.2.2 Bản vẽ

2.2.3 Báo cáo hư hỏng

3 YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ:

- 3.1 Các bộ phận sau khi sửa chữa, đại tu thay thế đảm bảo độ chính xác và yêu cầu kỹ thuật. Vỏ máy và chân đế phải được chống ăn mòn và sơn đảm bảo làm việc trong môi trường biển. Vỏ máy phải được bọc cách nhiệt.
- 3.2 Giàn bay hơi và các ống đồng thay thế phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Sau khi sửa chữa thay thế phải đáp ứng yêu cầu cho hệ thống làm việc. Giàn bay hơi phải được thử kín trước khi lắp đặt
- 3.3 Sửa chữa thay thế các ống đồng của bầu ngưng tụ phải đáp ứng yêu cầu về vật liệu tương đương như thông số kỹ thuật nêu ở mục 2.1 và phải được thử kín trước khi lắp đặt.



- 3.4 Toàn bộ vỏ quạt và quạt gió sau sửa chữa thay thế phải đáp ứng theo thiết kế của nhà sản xuất. Motor phải được kiểm tra, đảm bảo điện trở cách điện. Cánh quạt phải được cân bằng động
- 3.5 Các máy nén của máy điều hòa sau khi đại tu, sửa chữa thay thế phải đáp ứng đúng theo yêu cầu của nhà sản xuất.
- 3.6 Hệ thống phải được hút chân không sau khi kết nối, nạp gas đúng yêu cầu kỹ thuật
- 3.7 Quạt lồng sóc thay thế phải được kiểm tra cân bằng động.
- 3.8 Máy điều hòa không khí được sử dụng trong phòng sửa chữa cơ khí trên tàu FPSO. Sau khi sửa chữa các thông số phải đáp ứng theo yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất. Đảm bảo vận hành ổn định và an toàn
- 3.9 Bảo hành: 3 tháng kể từ ngày bàn giao thiết bị sau sửa chữa
- 3.10 Thời gian thực hiện dịch vụ và bàn giao thiết bị sau sửa chữa: 03 tuần (kể từ ngày ký biên bản bàn giao thiết bị đưa vào sửa chữa)

4 TIÊU CHUẨN:

N/A

5 PHẠM VI CÔNG VIỆC

Từ hiện trạng hư hỏng, nhà thầu tiến hành sửa chữa, đại tu, chế tạo, thay thế phục hồi các chi tiết, bộ phận bên trong của máy điều hòa không khí kiểu làm mát bằng nước biển với thông số & đặc tính kỹ thuật được đề cập trong tài liệu kỹ thuật tham chiếu ở mục 2.2. Phạm vi công việc sửa chữa, đại tu, chế tạo, phục hồi các chi tiết, bộ phận bao gồm không giới hạn như sau:

- 5.1 Vận chuyển máy điều hòa không khí từ kho của XNKT về xưởng của Nhà thầu.
- 5.2 Tháo rã, vệ sinh toàn bộ các bộ phận bên trong của máy điều hòa không khí, kiểm tra tình trạng của các bộ phận
- 5.3 Tiến hành đo vẽ các chi tiết, các bộ phận của máy điều hòa không khí làm cơ sở gia công chế tạo, phục hồi
- 5.4 Thực hiện việc kiểm tra độ kín của các bộ phận, hút chân không, thay dầu bôi trơn, nạp gas sau khi hoàn thiện lắp ráp, đấu nối.
- 5.5 Thực hiện các công việc theo chi tiết danh mục được nêu trong mục 9 bên dưới

6 NĂNG LỰC KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU

- 6.1 Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sửa chữa, đại tu các máy điều hòa không khí hoặc hệ thống lạnh HVAC trên các công trình biển/ công trình dầu khí
Có ít nhất 02 hợp đồng tương tự trong vòng 5 năm gần nhất về việc sửa chữa, bảo dưỡng cho các máy điều hòa không khí hoặc hệ thống lạnh HVAC có công suất ít nhất bằng với thiết bị cần sửa chữa trên các công trình biển/ dầu khí.
- 6.2 Có nhà xưởng và đầy đủ dụng cụ, máy móc thiết bị cần thiết để thực hiện công việc sửa chữa đại tu cho máy điều hòa không khí. Nhân viên thực hiện việc sửa chữa, đại tu phải có chứng chỉ chuyên môn về điện lạnh

7 TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU

- 7.1 Thực hiện các công việc theo chi tiết danh mục được nêu trong mục 9 bên dưới
- 7.2 Thời gian thực hiện dịch vụ và bàn giao thiết bị sau sửa chữa không quá 3 tuần. Nhận thiết bị và bàn giao thiết bị tại kho của XNKT số 15 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu.
- 7.3 Thông báo cho XNKT tham gia chứng kiến khi chạy thử
- 7.4 Nhà thầu được yêu cầu xác nhận các thông số kỹ thuật sau khi sửa chữa, đại tu đáp ứng như yêu cầu trong mục 3.
- 7.5 Nhà thầu có thể khảo sát trước máy điều hòa không khí tại kho XNKT bằng chi phí của nhà thầu.
- 7.6 Bảo hành: 03 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao thiết bị sau khi sửa chữa

8 TRÁCH NHIỆM CỦA XÍ NGHIỆP KHAI THÁC

- 8.1 Cung cấp các thông tin cần thiết của thiết bị (nếu có) phục vụ sửa chữa thiết bị.
- 8.2 Phối hợp với nhà thầu trong việc giao nhận hàng
- 8.3 Tổ chức vận chuyển thiết bị an toàn ra công trình bình và lắp đặt đúng theo tài liệu nhà sản xuất

9 DANH MỤC SỬA CHỮA:

STT No.	Tên hàng hoá/ Description	ĐV tính Unit	(MSR,...)
	(Ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật) (P/N, technical specifications)		
1	Sửa chữa, gia công thay thế vỏ máy và chân đế, bọc cách nhiệt superlon dày 19mm xung quanh, sơn toàn bộ vỏ máy	lot	"
2	Gia công thay mới 2 giàn bay hơi cho 2 cụm máy nén 7,5Kw và 4,4Kw - 3pha Thay thế các ống đồng bị thủng, hư hỏng. Hàn đầu nối, thử kín áp suất 15bar/ 24 hours.	lot	"
3	Sửa chữa, thay thế các ống đồng trao đổi nhiệt bị thủng của bầu ngưng tụ. Làm sạch và thử kín bầu ngưng tụ bằng khí ni-tơ 25bar/ 24 hours	lot	"
4	Bảo dưỡng, sửa chữa, đại tu máy nén 7,5Kw- 3 pha và máy nén 4,4Kw - 3 pha - 380/415v - 50Hz, 440v - 60Hz. Kiểm tra máy nén, thay dầu bôi trơn, chạy thử	lot	"
5	Sửa chữa, thay thế vỏ quạt gió cho giàn bay hơi. Bảo dưỡng, sửa chữa motor lai quạt gió, thay dây đai truyền động. Thay thế quạt gió kiểu lồng sóc.	lot	"
6	Sửa chữa, thay thế toàn bộ các ống đồng để kết nối các hệ thống, thay dầu bôi trơn cho các máy nén, thay phin lọc âm, Hút chân không toàn bộ hệ thống, nạp gas R407C, thay đồng hồ áp suất đầu hút và áp suất đầu đẩy, kiểm tra thay thế toàn bộ các rơ le bảo vệ, kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa bộ điều khiển cho hệ thống.	lot	"
7	Kiểm tra chạy thử, đóng gói, bàn giao	Lot	"

10 YÊU CẦU VỀ ĐÓNG GÓI:

- 10.1 Hàng hoá phải được đóng gói sau sửa chữa phù hợp với vận chuyển, nâng hạ; không bị hư hỏng, biến dạng khi vận chuyển
- 10.2 Giao nhận hàng hoá tại kho của Xí nghiệp Khai thác .

11 TÀI LIỆU KỸ THUẬT:

- 11.1 Nhà thầu phải cung cấp trong hồ sơ dự thầu tài liệu chứng minh cho tất cả các mục tại mục 6
- 11.2 Nhà thầu phải cung cấp quy trình/ phương án sửa chữa máy điều hòa không khí như yêu cầu kỹ thuật trong hồ sơ chào thầu.

12 CHỨNG CHỈ CẦN THIẾT:

- 12.1 Chứng chỉ xuất xứ/ Chất lượng cho gas lạnh (Refrigerant): Bản sao xác nhận nhà cung cấp
- 12.2 Chứng chỉ xuất xứ/ Chất lượng cho dầu bôi trơn máy nén : Bản sao xác nhận nhà cung cấp
- 12.3 Báo cáo cân bằng động cánh quạt : Bản gốc
- 12.4 Báo cáo thử áp lực cho giàn bay hơi và bầu ngưng tụ kèm hình ảnh : Bản gốc
- 12.5 Cam kết bảo hành : Bản gốc

Package Unit Air Conditioner for BAB Workshop

One (1) set of Self-Sea water cooled packaged Air Conditioner will be furnished inside BAB Workshop to maintain the desired environment for personnel and all installations inside, which shall be Sea-water cooled, stand-alone duct type, and to be 5% Fresh Air. No standby.

Unit General Data:

Model : VA-RP-15WL5
 Refrigerant : R-407C (Conversion R22)
 Power Supply : 440V/ 3Φ /60 Hz
 Nominal Capacity : 50kW
 Operating Weight : 520Kg (Net Weight)

Compressor

Type : Hermolic Scroll
 Model : G1000EL+G603DH
 Power Input : 20 Kw (app)
 Start Current (Amp:) : 102
 Running Current (Amp:) : 13+8.5
 Capacity Steps : 0,63,100%

CONDENSER

Type : SM-3010, Sea- Water Cooled, Shell-API sch PIPE, Tubes-CU/NI 90/10 low finned tubes
 Water Flow : ~35.94 m³/Hr
 Pressure Drop : ~8.75psi
 Cooling water inlet : 2-1/2", c/w counter flange
 Cooling water outlet : 2-1/2", c/w counter flange
 Water Inlet/out Temp. : 32°C / 37°C Sea Water
 Quantity : 1

Fan

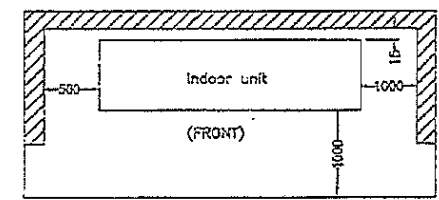
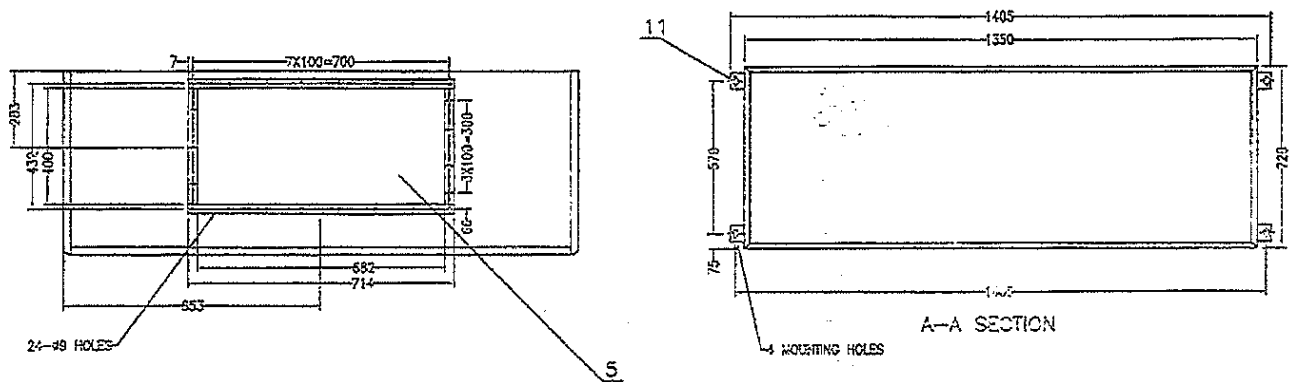
Type : Multi-blade Centrifugal Fan
 Drive : Built-in Direct
 Nominal Flow : 7800 m³/h
 Motor Output : 3.7 kW (one size bigger than the standard)
 Running Current (Amp:) : 3.0

Evaporator Coif

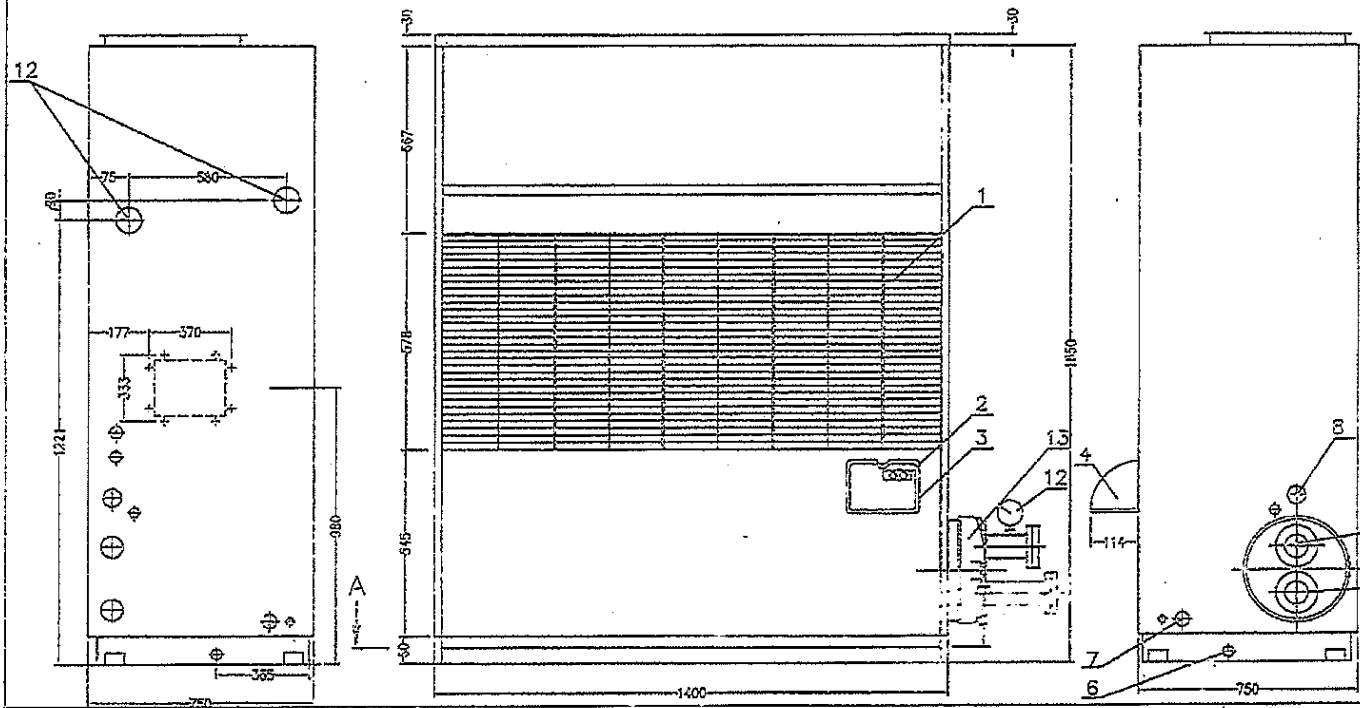
Tube type : Multi-Pass Cross-Finned Tube
 Copper Tube / Aluminum Fin
 Drain Connection : FPT 1"
 Emergency Drain : FPT 1/2"
 Overall Dimension (H x W x D) mm : 1850 X 1400 X 750

Electric Control Panel is assembled together Packaged Unit, which requires minor labor for wiring connections on site and one (1) incoming cable (power feeder) only.

REV ID	REVISION NOTE	DATE	ISSUED
00	FOR APPROVAL	MAR-2011	NANDAR
A1	FOR AGS APPROVAL	APR-2011	NANDAR
00	FOR CONSTRUCTION	APR-2011	NANDAR



SERVICE SPACE



REMARK:
FRESH AIR INLET SIZE AND LOCATION SHALL BE DECIDED AND INFORMED BY YARD AFTER DUCT ARRANGEMENT CONFIRMED, THE EXISTING ONE IS FOR REFERENCE ONLY.

MARK	NAME	SUMMARY
1	AIR INLET(Front)	
2	PILOT LAMP	
3	CONTROL PANEL COVER	
4	LENGTH FOR OPENING CONTROL PANEL COVER	
5	AIR OUTLET(UPPER) BY DUCT	
6	POWER SOURCE WIRING HOLE (#62 (#40.5 KNOCK CUT HOLE))	#62
7	EMERGENCY DRAIN CONN.	FPT 1/2"
8	DRAIN CONN.	FPT 1"
9	COOLING WATER OUTLET	2-1/2"
10	COOLING WATER INLET	2-1/2"
11	HOLE FOR ANCHOR BOLT(4-M8)	
12	WATER PRESSURE GAUGE	
13	SFA WATER CONDENSER	SM3010

VOM VIKING AIRTECH PTE LTD 21, KIAN TECK ROAD, SINGAPORE 628773 Tel: +65 6291 5500 Fax: +65 6291 5520 Email: info@vikingairtech.com Web: www.viking.com		PROJECT: FPSO CUSTOMER: KEPPLER SHIPYARD DRAWN: NANDAR APPROVED: SINHUI	CAD FILE: DIMENSIONS ARE TO BE MARKED UNLESS OTHERWISE SPECIFIED.
BAB WORKSHOP SEA-WATER COOLED PU		DWG NO: VA01551-ACD-M039 REV: 00 PAGE: 2 of 3 SCALE: NTS A3 DATE: MAR-2011	THE INFORMATION CONTAINED HEREIN IS THE EXCLUSIVE PROPERTY OF VIKING AIRTECH PTE LTD. THEY MUST NOT BE USED OR REPRODUCED IN WHOLE OR IN PART WITHOUT PERMISSION IN WRITING.



TECHNICAL REPORT

Facility: FPSO Armada TGT1 **Report No.:** 240307

Discipline: Mech. department **Inspected Date:** 16-03-2024

Type of report:
 Equipment Failure Piping Failure External corrosion
 Internal corrosion

A. DESCRIPTIONS

Location: Mechanical workshop **WO Number:**

Equipment Name: Air conditioner unit for mechanical workshop **Piping No.:** N/A

Event of Failure:
The air conditioner unit for mechanical workshop is failed, evaporator fan is damaged.

Status of equipment/piping before inspected (attach evidence, P&ID, etc. If needed for clarity)

- The evaporator of air conditioner is badly corroded.
- The evaporator fan is damaged.

B. TROUBLESHOOT STEPS

- Isolated the system.
- Removed and sent the air conditioner package to onshore for repairing.

STATUS OF EQUIPMENT/PIPING AFTER INSPECTED (ATTACH EVIDENCE, P&ID, ETC. IF NEEDED FOR CLARITY)

Waiting onshore repairing.

ROOT CAUSE: (IF FOUND)

The air conditioner in workshop has been working for a long time under dirty/rusty condition due to welding /cutting in workshop.

C. RECOMMENDATIONS TO PREVENT RECURRENCE

Remove and sent the air conditioner package to onshore for repairing as following require: Replace evaporator fan, repair or replace evaporator coil, flush all refrigerant system, leak test and repair/replace all leaking points, check and repair the compressor if required, check and repair any other defects, recharge lube oil for compressor, recharge refrigerant and sanction test.

COMPILED BY:
Nguyen Dinh Khanh
Digitally signed by Nguyen Dinh Khanh
DN: cn=Nguyen Dinh Khanh, o=OGPE, Vietsovpetro J.V, ou=FPSO Armada TGT-1, email=tgt-mechsup@vietsov.com.vn, c=VN
Date: 2024.03.16 14:56:27 +07'00'

REVIEWED BY:
Nguyen Nhu Bao Chuong
Digitally signed by Nguyen Nhu Bao Chuong
DN: cn=Nguyen Nhu Bao Chuong, o=Vietsovpetro, ou=Armada TGT1, email=chuongnb.pt@vietsov.com.vn, c=VN
Date: 2024.03.16 14:57:01 +07'00'

ENDORSED BY OIM:
Quang DN
Digitally signed by Quang DN
DN: cn=Quang DN, o=FPSO, ou=TGT1, email=tgt-oim@vietsov.com.vn, c=VN
Date: 2024.03.16 15:43:23 +07'00'



TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

ĐƠN HÀNG "Mua vật tư/thiết bị/ Dịch vụ cho dự án FPSO Hoàng Long"

Tên hàng hóa/dịch vụ: Dịch vụ sửa chữa đại tu máy điều hòa không khí cho phòng sửa chữa cơ khí.

STT	Yêu cầu kỹ thuật	Mục	Mức độ đáp ứng	Đạt	Không đạt
1	Yêu cầu chung	3	Nhà thầu xác nhận đáp ứng đúng theo yêu cầu kỹ thuật như đã nêu trong HSMT.	Đạt	
			Khác		Không đạt
2	Phạm vi công việc	5	Nhà thầu xác nhận đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật của HSMT	Đạt	
			Khác		Không đạt
3	Năng lực của nhà thầu	6	Nhà thầu xác nhận đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật của HSMT	Đạt	
			Khác		Không đạt
4	Trách nhiệm của nhà thầu	7	Nhà thầu xác nhận đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật của HSMT	Đạt	
			Khác		Không đạt
5	Bảo hành	7.5	Nhà thầu xác nhận đáp ứng đúng yêu cầu bảo hành 03 tháng sau khi giao hàng.	Đạt	
			Khác		Không đạt
6	Thời gian giao hàng	7.2	Nhà thầu xác nhận đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật của HSMT	Đạt	
			Khác		Không đạt
7	Yêu cầu về đóng gói	10	Nhà thầu xác nhận đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật của HSMT	Đạt	
			Khác		Không đạt
8	Tài liệu	11	Nhà thầu xác nhận đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật của HSMT	Đạt	
			Khác		Không đạt
9	Chứng chỉ	12	Nhà thầu xác nhận đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật của HSMT	Đạt	
			Khác		Không đạt
Kết luận			Mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9 Đạt Không đạt một trong 9 tiêu chí	Đạt	Không đạt

